

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch và bổ sung kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa năm 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc: “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công”;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về việc: “Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai”;

Căn cứ Công văn số 23/TWPCTT ngày 06/4/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về việc: “Nâng cao năng lực, trang thiết bị và hoàn thiện thể chế Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa”; Văn bản số 5487/UBND-NN ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Nâng cao năng lực, trang thiết bị và hoàn thiện thể chế Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2207/STC-TCDN ngày 02/6/2017 về việc: “Đề nghị phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện danh mục mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên

tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa năm 2017”, đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 2173/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 22/7/2016 về việc: “Nâng cao năng lực, trang thiết bị và hoàn thiện thể chế của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” và đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 43/TTr-PCTT&TKCN ngày 28/4/2017, kèm theo Biên bản họp ngày 01/6/2016 giữa Sở Tài chính – Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch và bổ sung kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa năm 2017 để các ngành và các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu

Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Nội dung và quy mô đầu tư

2.1. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa năm 2017.

2.2. Danh mục thiết bị đầu tư: Theo danh mục các trang thiết bị tối thiểu và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Công văn số 23/TWPCTT ngày 06/4/2016 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và tình hình, nhu cầu thực tế của đơn vị.

3. Chủ đầu tư: Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa).

4. Dự toán kinh phí

4.1. Tổng dự toán (làm tròn số): 901.800.000,0 đồng (Chín trăm lẻ một triệu, tám trăm nghìn đồng).

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).

4.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục chuyển kinh phí cho Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa) để thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa) là chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với nội dung mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ ra quyết định tại Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa năm 2017 theo quy định để triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của Luật đấu thầu. Đồng thời chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

3.3. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc liên quan đến ngành; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa) theo đúng quy định.

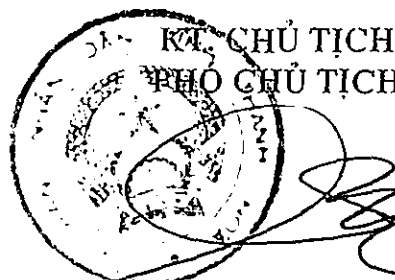
Điều 2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa), các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng thường trực Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thanh Hóa); Ban quản lý Quỹ Bảo vệ phát triển rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201785 (15).

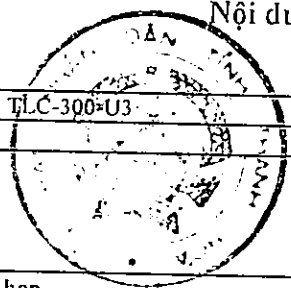


Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu:

TỔNG HỢP CHI TIẾT DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẴM THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÁC CÔNG CỤ
HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC CHỦ HUY PCTT VÀ TKCN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số 1998 /QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung	ĐVT	Dự toán đơn vị đề nghị			Dự toán phê duyệt		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
A	Chi phí mua sắm thiết bị				942.493.000			876.793.000
I	Hệ thống màn hình hiển thị thông tin hồ chứa Hòa Na, Cửa Đạt				301.200.000			241.350.000
1	MÀN HÌNH LED P4mm - IRIG1B Màn hình LED trong nhà full color 28 000 tỷ màu P4mm Xuất xứ hàng hoá: Module. nguồn, card, hub... sản xuất Shenzhen. the new thinking of Photoelectric Technology Co Ltd Phần mềm điều khiển xuất xứ: việt nam. Bao gồm các phụ kiện kèm theo:	m2	10,50	23.100.000	242.550.000	10,50	17.400.000	182.700.000
-	P4mm Indoor Led Display Board IRIG1B	m2	10,5			10,5		
-	Card truyền (LED studio D12 - TS 802D)	Chiếc	1			1		
-	Card nhận (LED studio D12 - RV 908)	Chiếc	16			16		
-	Phần mềm điều khiển LED studio D12.43	Chiếc	1			1		
-	Module led P4 (256 x 128mm)	Chiếc	320			320		
-	Nguồn cấp 5V - 60 (A-300-5)	Chiếc	26			26		
2	Bộ xử lý hình ảnh VIDEO PROCESSOR full HD Kết nối truyền hình cáp Việt Nam, đầu thu KTS như: K+... Kết nối Camera, đầu DVD, Ampli, loa, laptop, internet... Hiển thị word, power point...	Bộ	1	22.000.000	22.000.000	1	22.000.000	22.000.000
3	Vận chuyển và lắp đặt màn hình led	Bảng	1	10.850.000	10.850.000	1	10.850.000	10.850.000
4	Khung thép giá đỡ, ốp nhôm màn hình led mặt trước	Bảng	1	9.100.000	9.100.000	1	9.100.000	9.100.000
5	Phụ kiện (1 tủ điện, 3 aptomat 2 pha 32A, dây điện 2x2.5mm, dây mạng 20m....)	Hệ thống	1	3.500.000	3.500.000	1	3.500.000	3.500.000
6	Bộ máy tính điều khiển màn hình led. Nhãn hiệu: Dell Nước sản xuất: China Model: OptiPlex 3046 SFF	Bộ	1	13.200.000	13.200.000	1	13.200.000	13.200.000
II	Hệ thống màn hình và các thiết bị liên quan phục vụ họp trực tuyến (Tivi, camera hội nghị, máy tính, thuê bao điểm cầu, nhân công lắp đặt....)				241.200.000			241.200.000
1	Tivi + phụ kiện Nhãn hiệu: Sony Model: Smart Tivi Sony 65 inch 65X8500D	Bộ	3	55.000.000	165.000.000	3	55.000.000	165.000.000
2	Nhân công cài đặt, hướng dẫn chuyển giao trực tiếp cho 1 điểm cầu	Điểm cầu	1	6.000.000	6.000.000	1	6.000.000	6.000.000
3	Thuê bao cho 1 điểm cầu	Tháng	12	1.200.000	14.400.000	12	1.200.000	14.400.000
4	Bộ máy tính phục vụ họp trực tuyến: Nhãn hiệu: Dell Nước sản xuất: China Model: OptiPlex 3046 SFF	Bộ	1	13.200.000	13.200.000	1	13.200.000	13.200.000
5	Camera hội nghị + phụ kiện Nhãn hiệu: Telycam	Bộ	1	42.600.000	42.600.000	1	42.600.000	42.600.000



[Handwritten signature]

STT	Nội dung	ĐVT	Dự toán đơn vị đề nghị			Dự toán phê duyệt		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
3	HDD CAMERA WD PURPLE 6TB Nhân hiệu: Western Nước sản xuất: Trung Quốc Model: WD10PURX	Cái	1	8.250.000	8.250.000	1	8.250.000	8.250.000
4	Chi phí lắp đặt (nhân công, dây cáp, vật liệu...)				94.743.000		s	94.743.000
-	Bộ chuyển đổi nguồn AC sang DC cho camera (Điện áp vào 80 ~ 260VAC Điện áp ra 12V- 2A)	Cái	5	275.000	1.375.000	5	275.000	1.375.000
-	Dựng cột 7m lắp camera (Dự tính : cột sắt mạ kẽm, chân đế...)	Cái	1	3.850.000	3.850.000	1	3.850.000	3.850.000
-	Hộp kỹ thuật ngoài trời (chứa convert và nguồn nuôi Camera.)	Cái	5	825.000	4.125.000	5	825.000	4.125.000
-	Hộp ODF 2 (chứa cáp quang tại 2 đầu Camera)	Cái	10	198.000	1.980.000	10	198.000	1.980.000
-	Cáp điện 2*1.5mm (cung cấp nguồn nuôi cho Camera)	Mét	900	8.580	7.722.000	900	8.580	7.722.000
-	Ống gel bảo vệ dây dẫn cáp quang, dây điện	Mét	870	5.500	4.785.000	870	5.500	4.785.000
-	Cáp quang treo 4FO (4 lõi quang)	Mét	1500	6.380	9.570.000	1500	6.380	9.570.000
-	Cáp mạng CAT5e (Kết nối từ Camera vào convert)	Mét	300	9.350	2.805.000	300	9.350	2.805.000
-	Convert (chuyển đổi quang điện 2 đầu camera)	Cái	10	1.375.000	13.750.000	10	1.375.000	13.750.000
-	Tủ Rack 10U (Chứa đầu ghi hình...)	Cái	1	2.145.000	2.145.000	1	2.145.000	2.145.000
-	Vật tư phụ : Nẹp kéo cáp, ốc vít, nơ băng keo...	HT	1	1.100.000	1.100.000	1	1.100.000	1.100.000
-	Chi phí nhân công kéo cáp quang, cáp điện	Mét	1500	2.200	3.300.000	1500	2.200	3.300.000
-	Chi phí hàn các điểm cáp quang	Mỗi	10	275.000	2.750.000	10	275.000	2.750.000
-	Nhân công lắp đặt, hiệu chỉnh Camera	Cái	10	550.000	5.500.000	10	550.000	5.500.000
-	Chi phí khảo sát năm điểm lắp đặt camera	HT	1	1.650.000	1.650.000	1	1.650.000	1.650.000
-	Cài đặt, lập trình, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ	HT	1	2.200.000	2.200.000	1	2.200.000	2.200.000
-	Chi phí lắp đặt internet cáp quang cho các điểm lắp đặt camera (Yêu cầu gói đường truyền tối thiểu 10Mb).	HT	5	5.227.200	26.136.000	5	5.227.200	26.136.000
B	Chi phí thẩm định giá, lập hồ sơ yêu cầu, Đánh giá hồ sơ				25.000.000			25.000.000
	Tổng cộng				967.493.000			901.793.000
	Làm tròn số				967.500.000			901.800.000